

Q326C050090
(MTTN26006983.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/05/2026
Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH**
Mã số mẫu: **TTh - 2613**
Vị trí lấy mẫu: **NMN Tân Thành – Vòi sau xử lý**
Thời gian lấy mẫu: **04/05/2026**
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: 3 bình nhựa, túi vô trùng
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 300 mL x 02
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 05/05/2026
- Thời gian thử nghiệm : 05/05/2026 - 15/05/2026
- Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN**
137 Lê Hồng Phong, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
 Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn

Q326C050090
 (MTTN26006983.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



15/05/2026
 Trang/ Page: 2/4

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(e)	-
7.2	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(e)	-
7.3	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.4	Hàm lượng bari (Ba)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.5	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.6	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.7	Hàm lượng crom (Cr)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.8	Hàm lượng florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03
7.9	Hàm lượng kẽm (Zn)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.10	Hàm lượng natri (Na)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	13,1	-
7.11	Hàm lượng nhôm (Al)	mg/L	US EPA 200.8	0,03	-
7.12	Hàm lượng niken (Ni)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.13	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol	µg/L	TCVN 6216:1996	KPH	0,3
7.14	Hàm lượng sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ -D:2023	KPH	0,02
7.15	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.16	Hàm lượng vinyl chloride	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.17	Hàm lượng xyanua tổng (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.18	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.19	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	53,8	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: info@quatest3.com.vn
 Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC 1963000, Vietnam - Website: www.quatest3.com.vn

Q326C050090
 (MTTN26006983.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/05/2026
 Trang/ Page: 3/4

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.20	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	9,3	-
7.21	Hàm lượng carbon tetrachloride	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.22	Hàm lượng molinate	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.23	Hàm lượng 1,2-dibromo-3 chloropropane	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.24	Hàm lượng cyanazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2
7.25	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy)	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.26	Hàm lượng chlorpyrifos	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5
7.27	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02
7.28	Hoạt độ phóng xạ beta tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2
7.29	Hàm lượng benzen	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.30	Hàm lượng acid monochloroacetic	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5
7.31	Hàm lượng bromodichloromethane	µg/L	US EPA 8260D	15,9	-
7.32	Hàm lượng bromoform	µg/L	US EPA 8260D	2,9	-
7.33	Hàm lượng chloroform	µg/L	US EPA 8260D	11,2	-
7.34	Hàm lượng dibromochloromethane	µg/L	US EPA 8260D	20,2	-

Ghi chú:

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia
- US EPA: United States Environmental Protection Agency

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C050090
(MTTN26006983.05)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/05/2026
Trang/ Page: 4/4

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C050090
(MTTN26006983.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/05/2026
Trang/ Page: 1/4

1. Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH**
Mã số mẫu: TTh - 2614
Vị trí lấy mẫu: NMN Tân Thành – Hộ Bùi Quang Bang, thôn Văn Kê, xã Tân Thành
Thời gian lấy mẫu: 04/05/2026
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: 3 bình nhựa, túi vô trùng
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 300 mL x 02
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 05/05/2026
5. Thời gian thử nghiệm : 05/05/2026 - 15/05/2026
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN**
137 Lê Hồng Phong, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C050090
 (MTTN26006983.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/05/2026

Trang/ Page: 2/4

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.2	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-
7.3	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.4	Hàm lượng bari (Ba)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.5	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.6	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.7	Hàm lượng crom (Cr)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.8	Hàm lượng florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03
7.9	Hàm lượng kẽm (Zn)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.10	Hàm lượng natri (Na)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	12,5	-
7.11	Hàm lượng nhôm (Al)	mg/L	US EPA 200.8	0,02	-
7.12	Hàm lượng niken (Ni)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.13	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol	µg/L	TCVN 6216:1996	KPH	0,3
7.14	Hàm lượng sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ -D:2023	KPH	0,02
7.15	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.16	Hàm lượng vinyl chloride	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.17	Hàm lượng xyanua tổng (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.18	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.19	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	54,0	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C050090
(MTTN26006983.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/05/2026
Trang/ Page: 3/4

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.20	Độ cứng lỏng số (tính theo CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	9,3	-
7.21	Hàm lượng carbon tetrachloride	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.22	Hàm lượng molinate	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.23	Hàm lượng 1,2-dibromo-3 chloropropane	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.24	Hàm lượng cyanazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2
7.25	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy)	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.26	Hàm lượng chlorpyrifos	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5
7.27	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02
7.28	Hoạt độ phóng xạ beta tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2
7.29	Hàm lượng benzen	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.30	Hàm lượng acid monochloroacetic	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5
7.31	Hàm lượng bromodichloromethane	µg/L	US EPA 8260D	15,7	-
7.32	Hàm lượng bromoform	µg/L	US EPA 8260D	2,8	-
7.33	Hàm lượng chloroform	µg/L	US EPA 8260D	11,0	-
7.34	Hàm lượng dibromochloromethane	µg/L	US EPA 8260D	19,4	-

Ghi chú:

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia
- US EPA: United States Environmental Protection Agency

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3017 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
 Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 LZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, D1 road, Cat Lai LZ, Cat Lai ward, Hanoi 11 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C050090
 (MTTN26006983.06)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/05/2026
 Trang/ Page: 4/4



- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- (c): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc

2



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C050090
(MTTN26006983.07)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/05/2026
Trang/ Page: 1/4

1. Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH**
Mã số mẫu: TTh - 2615
Vị trí lấy mẫu: NMN Tân Thành – Trường Tiểu học Hy Vọng, thôn Kê Gà, xã Tân Thành
Thời gian lấy mẫu: 04/05/2026
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: 3 bình nhựa, túi vô trùng
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 01 + 300 mL x 02
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 05/05/2026
5. Thời gian thử nghiệm : 05/05/2026 - 15/05/2026
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN**
137 Lê Hồng Phong, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326C050090
 (MTTN26006983.07)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/05/2026
 Trang/ Page: 2/4

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100mL	ISO 16266:2006	< 1 ^(c)	-
7.2	Staphylococcus aureus	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2023	< 1 ^(c)	-
7.3	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1
7.4	Hàm lượng bari (Ba)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (LOQ)	0,01
7.5	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005
7.6	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.7	Hàm lượng crom (Cr)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.8	Hàm lượng florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03
7.9	Hàm lượng kẽm (Zn)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.10	Hàm lượng natri (Na)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	12,6	-
7.11	Hàm lượng nhôm (Al)	mg/L	US EPA 200.8	0,02	-
7.12	Hàm lượng niken (Ni)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003
7.13	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol	µg/L	TCVN 6216:1996	KPH	0,3
7.14	Hàm lượng sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ -D:2023	KPH	0,02
7.15	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002
7.16	Hàm lượng vinyl chloride	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.17	Hàm lượng xyanua tổng (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005
7.18	Hàm lượng đồng (Cu)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01
7.19	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	53,5	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3 AM



ISO/IEC 17025:2017
VILAS 004

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam 0 CS lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, Hanoi, Vietnam 0 1196/27 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C050090
(MTTN26006983.07)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/05/2026
Trang/ Page: 3/4

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.20	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	9,3	-
7.21	Hàm lượng carbon tetrachloride	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.22	Hàm lượng molinate	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,05
7.23	Hàm lượng 1,2-dibromo-3 chloropropane	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,07
7.24	Hàm lượng cyanazine	µg/L	US EPA 536	KPH	0,2
7.25	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy)	µg/L	US EPA 536	KPH	0,7
7.26	Hàm lượng chlorpyrifos	µg/L	US EPA 3510C & US EPA 8270E	KPH	0,5
7.27	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02
7.28	Hoạt độ phóng xạ beta tổng	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2
7.29	Hàm lượng benzen	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3
7.30	Hàm lượng acid monochloroacetic	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5
7.31	Hàm lượng bromodichloromethane	µg/L	US EPA 8260D	15,9	-
7.32	Hàm lượng bromoform	µg/L	US EPA 8260D	2,7	-
7.33	Hàm lượng chloroform	µg/L	US EPA 8260D	12,8	-
7.34	Hàm lượng dibromochloromethane	µg/L	US EPA 8260D	20,3	-

Ghi chú:

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia
- US EPA: United States Environmental Protection Agency

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
 QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



ISO/IEC 17025:2017

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: info@quatest3.com.vn
 Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 0 196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam Website: www.quatest3.com.vn

Q326C050090
 (MTTN26006983.07)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

15/05/2026

Trang/ Page: 4/4



- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization
- KPH: Không phát hiện
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- (°): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc

2



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chi tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*